

ĐA DẠNG LŨƠNG CƯ, BÒ SÁT Ở KHU BẢO TỒN LOÀI VÀ SINH CẢNH NAM XUÂN LẠC, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

Trần Thanh Tùng
Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc

TÓM TẮT

Nghiên cứu này trình bày kết quả đánh giá đa dạng thành phần loài lưỡng cư, bò sát ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Qua 6 đợt khảo sát thực địa từ tháng 6/2018 đến tháng 5/2019, chúng tôi thu thập được 182 mẫu vật của 81 loài lưỡng cư, bò sát thuộc 55 giống, 23 họ và 3 bộ. Trong đó, bộ Squamata đa dạng nhất với 14 họ 45 loài. Đã xác định có 16 loài lưỡng cư, bò sát ở khu vực này bị đe dọa, gồm 12 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 4 loài có tên trong Danh Lục Đỏ IUCN (2018); 7 loài có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ khóa: Đa dạng, lưỡng cư, bò sát, loài, Bắc Kạn

Ngày nhận bài: 25/7/2019; Ngày hoàn thiện: 09/9/2019; Ngày đăng: 11/9/2019

DIVERSITY OF AMPHIBIAN AND REPTILIAN IN NAM XUAN LAC SPECIES AND HABITAT CONSERVATION AREA, CHO DON DISTRICT, BAC KAN PROVINCE

Tran Thanh Tung
Vinh Phuc College

ABSTRACT

This study presents the result of the current status of amphibian and reptilian species in Nam Xuan Lac Species and Habitat Conservation Area, Cho Don District, Bac Kan Province. We conducted 6 conservation surveys from June 2018 to May 2019, we collected 182 specimens of 81 amphibian and reptilian species belonging to 55 genus, 23 family and 3 order. Among them, Squamata is the most diverse set with 14 families, 45 species. This study added 48 species to the study area and identified 16 amphibian and reptilian species in this area threatened, including 12 species named in the Vietnam's Red Data Book (2007); 4 species listed in the IUCN Red List (2018); 7 species named in Decree of Government 32/2006 / ND-CP.

Keywords: Diverse, amphibian, reptile, species, Bac Kan

Received: 25/7/2019; Revised: 09/9/2019; Published: 11/9/2019

1. Giới thiệu

Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc được UBND tỉnh Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số 342/QĐ-UB ngày 17/3/2004 của UBND tỉnh Bắc Kạn nằm trên địa phận hai thôn Nà Dạ và Bản Khang thuộc xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tọa độ: 22°17'12" đến 22°019'45" vĩ độ bắc; 105°28'31" đến 105°33'20" kinh độ đông, diện tích 1.788 ha vùng đệm 7.508 ha. Địa hình phức tạp, chia cắt mạnh, chủ yếu là rừng trên núi đá vôi với độ cao trung bình từ 400 m đến 800 m so với mực nước biển, đỉnh cao nhất 1.159 m. Khí hậu thuộc vùng nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm là 21,1°C (tháng cao nhất là 30°C, tháng thấp nhất 4°C). Lượng mưa trung bình năm là 1.153 – 1.528 mm, mưa phân bố không đều giữa các tháng trong năm, mưa tập trung vào các tháng 6,7 hàng năm, lượng mưa đạt tới 320 mm. Độ ẩm không khí: Dao động khoảng 75-82%, cao nhất là 88% tập trung vào tháng 7 trong năm [1].

Hệ sinh thái rừng kín thường xanh cây lá rộng ẩm nhiệt đới và cận nhiệt đới ở phía bắc Việt Nam. Hệ thực vật đã xác định được 653 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 440 chi, 142 họ trong 5 ngành. Hệ động vật: đã ghi nhận và xác định khu hệ động vật có 29 loài thú thuộc 04 bộ, 12 họ; 47 loài chim thuộc 09 bộ, 21 họ và 12 loài bò sát thuộc 6 họ.

Nghiên cứu về Lưỡng cư, Bò sát (LCBS) ở vùng này trước đây có công trình nghiên cứu của Nguyễn Văn Sáng và cộng sự điều tra sơ bộ về thành phần loài và phân bố của động vật để phục vụ công tác quy hoạch rừng và khu bảo tồn. Theo tài liệu đã công bố LCBS hiện biết 33 loài [2]. Trong nghiên cứu này chúng tôi phát hiện về thành phần loài nhằm cung cấp danh sách LCBS đầy đủ nhất cho Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc.

Bảng 1. Danh sách các loài LCBS ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Ntl
	AMPHIBIA	LỚP LƯỠNG CƯ	
	ANURA - BỘ KHÔNG ĐUÔI	BỘ KHÔNG ĐUÔI	
	Bufonidae	Họ Cóc	

2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành 6 đợt thực địa với tổng số 22 ngày khảo sát trong các tháng 8, 9, 10/2018, 4, 5, 6/2019 trong Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Các tuyến khảo sát được lập để thu thập mẫu vật và quan sát qua các sinh cảnh của vùng nghiên cứu: Đường mòn trong rừng; sông suối; khu dân cư; đồng ruộng; rừng tự nhiên; rừng phục hồi và rừng trồng. Mẫu vật được thu bằng gậy hoặc bằng tay, sau đó chụp ảnh, đo độ cao, xác định tọa độ địa lý. mẫu vật được gây mê, đeo nhãn và định hình trong cồn 85% trong vòng 4 – 10 tiếng, sau đó chuyển sang ngâm bảo quản trong cồn 70%. Ngoài ra còn điều tra, phỏng vấn người dân địa phương về thành phần loài.

Đã thu được 182 mẫu vật thu được ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, hiện mẫu vật đang được lưu giữ tại Phòng thí nghiệm Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc. Mẫu vật sau khi đã phân tích các số liệu được định tên khoa học theo các tài liệu: Bourret (1942) [3], Taylor (1962) [4], Frost (2018) [5], Uetz et al (2018) [6]. Danh lục tên khoa học, tên phổ thông của các loài theo tài liệu của Nguyen et al (2009) [7].

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Thành phần loài

Qua phân tích mẫu vật và quan sát trực tiếp tại thực địa, điều tra phỏng vấn và tư liệu chúng tôi đã ghi nhận ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc có 81 loài LCBS thuộc 55 giống, 23 họ và 3 bộ. Trong đó 32 loài lưỡng cư thuộc 19 giống, 6 họ, 1 bộ và 49 loài bò sát thuộc 36 giống, 17 họ, 2 bộ. Bộ Squamata đa dạng nhất với 14 họ 45 loài; Họ đa dạng nhất là họ Colubridae với 7 giống 9 loài; Giống đa dạng nhất là giống *Hylarana* có 4 loài (Bảng 1).

1	<i>Duttaphrynus melanostictus</i> (Schneider, 1799)	Cóc nhà	M, Tl
2	<i>Ingerophrynus galeatus</i> Gunther, 1864*	Cóc rừng	M
Megophryidae		Họ Cóc bùn	
3	<i>Leptobrachium chapaense</i> (Bourret, 1937)*	Cóc mây sa pa	M
4	<i>Leptolalax pelodytoides</i> (Boulenger, 1893)	Cóc mây bùn	M
5	<i>Megophrys major</i> Boulenger, 1908*	Cóc mắt bên	M
6	<i>Megophrys pachyproctus</i> Huang, 1981*	Cóc mắt gai	M
Microhylidae		Họ Nhái bầu	
7	<i>Microhyla heymonsi</i> Vogt, 1911	Nhái bầu hây môn	M
8	<i>Microhyla ornata</i> (Dumeril and Bibron, 1841)	Nhái bầu hoa	M
9	<i>Microhyla pulchra</i> (Hallowell, 1861 “1860”)	Nhái bầu vân	M
Dicroglossidae		HọẾch nhái chính thức	
10	<i>Fejervarya limnocharis</i> (Boie, 1834)	Ngoé	M
11	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i> (Wiegmann, 1835)	Ếch đồng	M
12	<i>Limnonectes bannaensis</i> Fitzinger, 1843*	Ếch nhèo ba - na	M
13	<i>Quasipaa verrucospinosa</i> (Bourret, 1937)*	Ếch gai sần	M
14	<i>Occidozyga laevis</i> (Gunther, 1859 “1858”)*	Cóc nước nhẵn	M
15	<i>Occidozyga lima</i> (Gravenhorst, 1829)	Cóc nước sần	M
Ranidae		HọẾch nhái	
16	<i>Amolops ricketti</i> (Boulenger, 1899)	Ếch tám đá	M
17	<i>Babina chapaensis</i> (Bourret, 1937)*	Chàng sa pa	M
18	<i>Hylarana guentheri</i> Boulenger, 1882	Chẫu	M
19	<i>Hylarana maosonensis</i> (Bourret, 1937)*	Chàng mẫu sơn	M
20	<i>Hylarana nigrovittata</i> (Blyth, 1855)*	Ếch suối	M
21	<i>Hylarana taipehensis</i> Van Denburgh, 1909	Chàng đài bắc	M
22	<i>Odorrana andersoni</i> Boulenger, 1882*	Chàng an đéc sơn	M
23	<i>Odorrana chapaensis</i> (Bourret, 1937)	Ếch tám đá sa pa	M
24	<i>Odorrana chloronota</i> (Gunther, 1876)*	Ếch xanh	M
25	<i>Odorrana tabaca</i> Bain and Truong, 2004*	Ếch thuốc Lào	M
Rhacophoridae		HọẾch cây	
26	<i>Polypedates megacephalus</i> Hallowell, 1861	Chẫu chàng đầu to	M
27	<i>Kurixalus bisaccus</i> (Taylor, 1962)*	Ếch cây sần	M
28	<i>Rhacophorus maximus</i> Gunther 1858*	Ếch cây lớn	M
29	<i>Rhacophorus reinwardtii</i> (Schlegel, 1840)*	Ếch cây bay	M
30	<i>Rhacophorus rhodopus</i> Liu and Hu, 1959*	Ếch cây chân đỏ	M
31	<i>Theloderma asperum</i> (Boulenger, 1886)*	Ếch cây sần aspơ	M
32	<i>Theloderma gordonii</i> Taylor, 1962*	Ếch cây gordon	M
REPTILIA		LỚP BÒ SÁT	
SQUAMATA		BỘ CÓ Vảy	
Agamidae		Họ Nhông	
33	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829)	Ô rô vảy	M
35	<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829	Rồng đất	M
Gekkonidae		Họ Tắc kè	
36	<i>Gekko chinensis</i> Gray, 1842*	Tắc kè trung quốc	M
37	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)	Tắc kè	M
38	<i>Hemidactylus frenatus</i> Schlegel, in Dumeril et Bibron, 1836	Thạch sùng đuôi sần	M
39	<i>Hemidactylus stejnegeri</i> Ota et Hikida, 1989*	Thạch sùng	M
Lacertidae		Họ Thằn lằn thực	
40	<i>Takydromus sexlineatus</i> Daudin, 1802	Liu diu chỉ	M
Scincidae		Họ Thằn lằn bóng	
41	<i>Eutropis chapaensis</i> (Bourret, 1937)*	Thằn lằn bóng sa pa	M
42	<i>Eutropis longicaudata</i> (Hallowell, 1856)	Thằn lằn bóng đuôi dài	M
43	<i>Eutropis macularia</i> (Blyth, 1853)	Thằn lằn bóng đốm	M
44	<i>Eutropis multifasciata</i> (Kuhl, 1820)	Thằn lằn bóng hoa	M

45	<i>Plestiodon quadrilineatus</i> (Blyth, 1853)*	Thằn lằn eme chi	M
46	<i>Sphenomorphus indicus</i> (Gray, 1853)*	Thằn lằn phê nô ấn	M
Varanidae		Họ Kỳ đà	
47	<i>Varanus salvator</i> (Laurenti, 1786)	Kỳ đà hoa	Tl
Typhlopidae		Họ Rắn giun	
48	<i>Ramphotyphlops braminus</i> (Daudin, 1803)*	Rắn giun thường	M
Boidae		Họ Trăn	
49	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	Trăn đất	Tl
Xenopeltidae		Họ Rắn mỏng	
50	<i>Xenopeltis unicolor</i> Reinwardt, in Boie, 1827*	Rắn mỏng	M
Colubridae		Họ Rắn nước	
51	<i>Ahaetulla prasina</i> (Reinhardt, in Boie, 1827)	Rắn roi thường	M
52	<i>Boiga multomaculata</i> (Reinwardt, Boie, 1827)*	Rắn rào đốm	M
53	<i>Cyclophiops multicinctus</i> (Roux, 1907)*	Rắn nhiều đai	M
54	<i>Dendrelaphis pictus</i> (Gmelin, 1789)*	Rắn leo cây	M
55	<i>Elaphe radiata</i> (Schlegel, 1837)	Rắn sọc dừa	M
56	<i>Elaphe taeniura</i> (Cope, 1861)*	Rắn sọc đuôi	M
57	<i>Lycodon ruhtrati</i> (Fischer, 1886)*	Rắn khuyết rưtrát	M
58	<i>Oligodon chinensis</i> (Gunther, 1888)*	Rắn khiếm trung quốc	M
59	<i>Oligodon cinereus</i> (Gunther, 1864)*	Rắn khiếm xám	M
Homalopsidae		Họ Rắn bông	
60	<i>Enhydris plumbea</i> (Boie, 1827)	Rắn bông chì	M
61	<i>Enhydris chinensis</i> (Gray, 1842)*	Rắn bông trung quốc	M
Natricidae		Họ Rắn sãi	
62	<i>Amphiesma modesta</i> (Gunther, 1875)*	Rắn sãi trơn	M
63	<i>Amphiesma stolata</i> (Linnaeus, 1758)*	Rắn sãi thường	M
64	<i>Rhabdophis subminiatus</i> (Schlegel, 1837)	Rắn hoa cỏ nhỏ	M
65	<i>Rhabdophis chrysargus</i> (Schlegel, 1837)*	Rắn hoa cỏ vàng	M
66	<i>Sinonatrix percarinata</i> (Boulenger, 1899)*	Rắn hoa cân vân đen	M
67	<i>Sinonatrix aequifasciata</i> (Barbour, 1908)	Rắn hoa cân đốm	M
68	<i>Xenochrophis flavipunctatus</i> (Hallowell, 1861)*	Rắn nước đốm vàng	M
Pareatidae		Họ Rắn hổ mây	
69	<i>Pareas hamptoni</i> (Boulenger, 1905)*	Rắn hổ mây hamtôn	M
70	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	Rắn rào thường	M
Elapidae		Họ Rắn hổ	
71	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	Rắn cạp nong	M
72	<i>Bungarus multicinctus</i> (Blyth, 1861)*	Rắn cạp nia bắc	M
73	<i>Naja atra</i> Cantor, 1842	Rắn hổ mang	M
74	<i>Sinomicrurus maclellandi</i> (Reinhardt, 1844)*	Rắn lá khô thường	M
Viperidae		Họ Rắn lục	
75	<i>Crypelytrops albolabris</i> Gray, 1842*	Rắn lục mép trắng	M
76	<i>Protobothrops mucrosquamatus</i> (Cantor, 1839)*	Rắn lục cườm	M
77	<i>Viriovipera stejnegeri</i> K.Schmidt, 1925	Rắn lục xanh	M
TESTUDINATA		BỘ RÙA	
Platysternidae		Họ Rùa đầu to	
78	<i>Platysternon megacephalum</i> Gray, 1831*	Rùa đầu to	Tl
Emydidae		Họ Rùa đầm	
79	<i>Cuora mouhoti</i> (Gray, 1862)*	Rùa sa nhân	M, Tl
80	<i>Geoemyda spengleri</i> (Gmelin, 1789)*	Rùa đất spengleri	M, Tl
Testudinidae		Họ Rùa núi	
81	<i>Manouria impressa</i> (Gunther, 1882)*	Rùa núi viên	Tl

Ghi chú: Thông tin: Ntl. Nguồn tư liệu; Tl. Tư liệu; M. Mẫu; * loài bổ sung cho Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc.

So với các nghiên cứu về LCBS trước đây ở vùng này [2] thì kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã ghi nhận bổ sung 48 loài cho Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (các loài ghi nhận mới cho vùng nghiên cứu được đánh dấu * ở bảng 1).

3.2. Các loài quý hiếm có giá trị bảo tồn

Trong số 81 loài LCBS ghi nhận ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn có 16 loài bị đe dọa, gồm 12 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) [8]: 1 loài ở bậc CR, 5 loài ở bậc EN, 5 loài bậc VU; 4 loài có tên trong Danh Lục Đỏ IUCN (2018) [9]: 2 loài ở bậc EN, 2 loài bậc VU; 7 loài thuộc nhóm IIB trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ [10] (Bảng 2).

Bảng 2. Các loài LCBS quý hiếm ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	SĐVN (2007)	IUCN (2018)	NĐ 32 (2006)
1	<i>Ingerophrynus galeatus</i>	Cóc rừng	VU		
2	<i>Quasipaa verrucospinosa</i>	Ếch gai sần		VU	
3	<i>Odorrana andersoni</i>	Chàng an đéc sơn	VU		
4	<i>Physignathus cocincinus</i>	Rồng đất	VU		
5	<i>Gekko gecko</i>	Tắc kè	VU		
6	<i>Varanus salvator</i>	Kỳ đà hoa	EN		IIB
7	<i>Python molurus</i>	Trăn đất	CR		IIB
8	<i>Elaphe radiata</i>	Rắn sọc dưa	VU		
9	<i>Elaphe taeniura</i>	Rắn sọc đuôi	VU		IIB
10	<i>Ptyas korros</i>	Rắn ráo thường	EN		
11	<i>Bungarus fasciatus</i>	Rắn cạp nong	EN		IIB
12	<i>Naja atra</i>	Rắn hổ mang	EN		IIB
13	<i>Platysternon megacephalum</i>	Rùa đầu to	EN	EN	IIB
14	<i>Cuora mouhoti</i>	Rùa sa nhân		EN	
15	<i>Geoemyda spengleri</i>	Rùa đất spengleri		EN	
16	<i>Manouria impressa</i>	Rùa núi viền	VU	VU	IIB

Ghi chú: thông tin: NĐ32. Nghị định số 32/2006/NĐ - CP; SĐVN. Sách Đỏ Việt Nam năm 2007 (Phần động vật); IUCN. Danh lục Đỏ của IUCN, 2018.

4. Kết luận

Đã ghi nhận ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn có 81 loài LCBS gồm 32 loài lưỡng cư thuộc 19 giống, 6 họ, 1 bộ và 49 loài bò sát thuộc 36 giống, 17 họ, 2 bộ. Trong đó, bộ Squamata đa dạng nhất với 14 họ 45 loài; Họ đa dạng nhất là họ Colubridae với 7 giống 9 loài; Giống đa dạng nhất là giống Hylarana có 4 loài.

Bổ sung cho danh sách thành phần loài LCBS ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, tỉnh Bắc Kạn 48 loài.

Đã ghi nhận ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn có 16 loài LCBS bị đe dọa, gồm 12 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 4 loài có tên trong Danh Lục Đỏ IUCN (2018); 7 loài có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chi cục kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bắc Kạn, *Báo cáo quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2013-2020*, 2013.
- [2]. Cục kiểm lâm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, *Báo cáo đa dạng sinh học tổ hợp bảo tồn Ba Bể/ Na hang: Vườn Quốc gia Ba Bể, Khu bảo tồn Thiên nhiên Na Hang và khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Nam Xuân Lạc*, 2004.
- [3]. Bourret R., *Les Batraciens de l'Indochine*, Men Inst. Ocean Indoch, Hanoi, 517 pp, 1942.
- [4]. Taylor E. H., "The Amphibia Fauna of Thailand", *The University of Kansas science Bulletin*, 63(8), pp. 689-1077, 1962.
- [5]. Frost D. R., "Amphibian species of the world: an online reference", 2018.
<http://research.amnh.org/herpetology/amphibia/index.html>, accessed in August, 2018.
- [6]. Uetz P., Freed P., Hoesek J, Eds, "The Reptile Database", 2018.

<http://reptile-database.org>, accessed in August, 2018.

[7]. Nguyen V, S., Ho T. C. &, Nguyễn Q. T., *Herpetofauna of Vietnam*, Edition Chimaira, Frankfurt am Main, 768 pp, 2009.

[8]. Đặng Ngọc Thanh, Trần Kiên, Đặng Huy Huỳnh, Nguyễn Cử, Nguyễn Nhật Thi, Nguyễn Huy Yết, Đặng Thị Đáp, *Sách đỏ Việt Nam*, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 517 pp,

2007.

[9]. IUCN, “Red list of the Threatened species”, Version, 3.2018, [http://www. Iucnredlist.org/](http://www.Iucnredlist.org/), accessed on 12 May 2018.

[10]. Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam, “*Nghị định 32/2006/NĐ- CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*”, 13 trang, 2006.